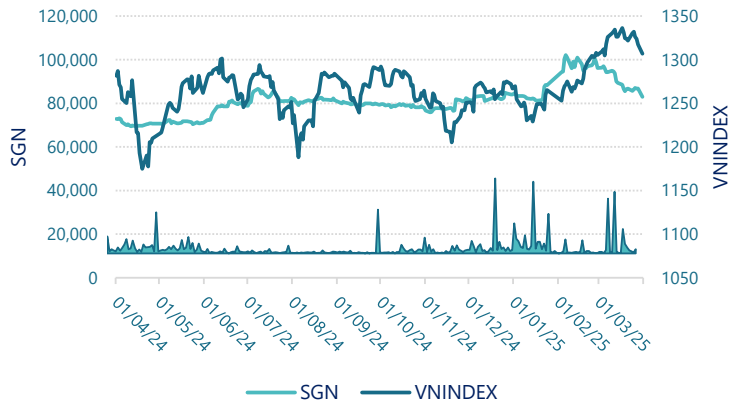
FireAnt

CTCP Phục vụ mặt đất Sài Gòn (HSX: SGN)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch	31/03/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**83,000**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	102,100
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	69,372
SL cổ phiếu LH	33,533,591
KLGD BQ 20 phiên (CP)	51,050
% sở hữu nước ngoài	26.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,783
P/E	9.9
EPS	8,346

DT thuần

Q1/25

418

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 28.0| 7.2%

YoY: ▲ 49.0| 13.3%

LN sau thuế

Q1/25

78.3

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.20| -7.3%

YoY: ▲ 10.7| 15.8%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

24.4%

+/- YoY: ▲ 4.1%

DT thuần

2024

1,518

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 62.0| 4.3%

LN sau thuế

2024

296

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 55.0| 22.7%

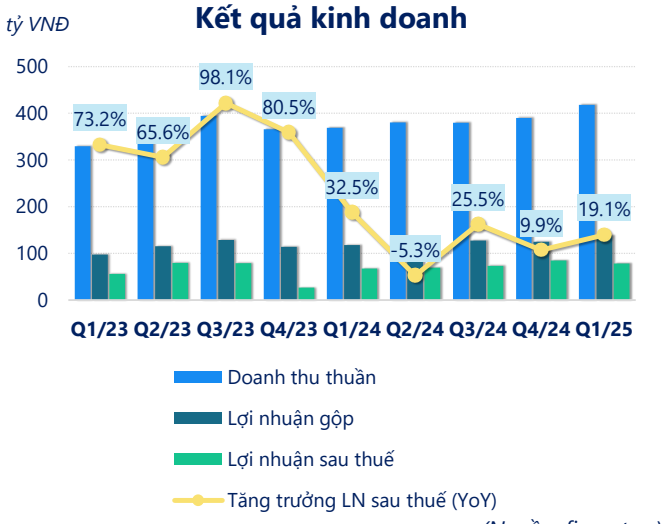
ROE

2024

24.5%

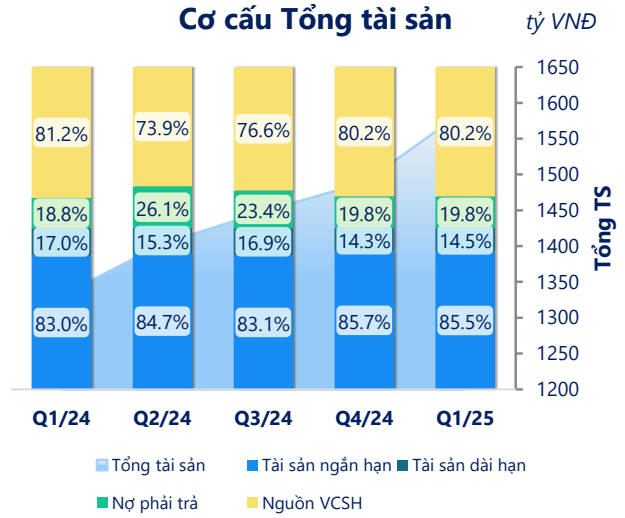
+/- YoY: ▲ 0.3%

Kết quả kinh doanh



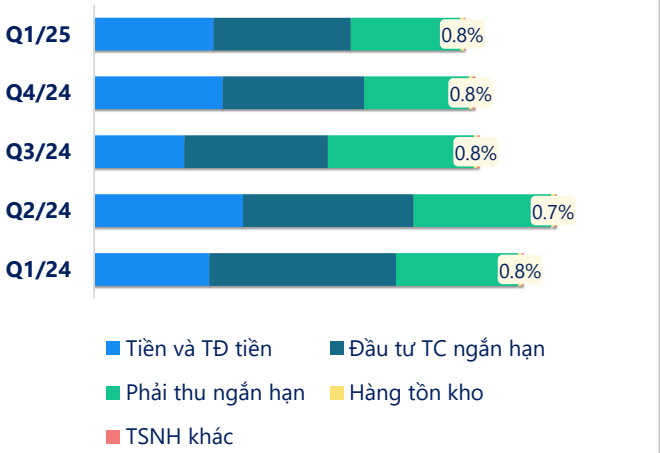
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



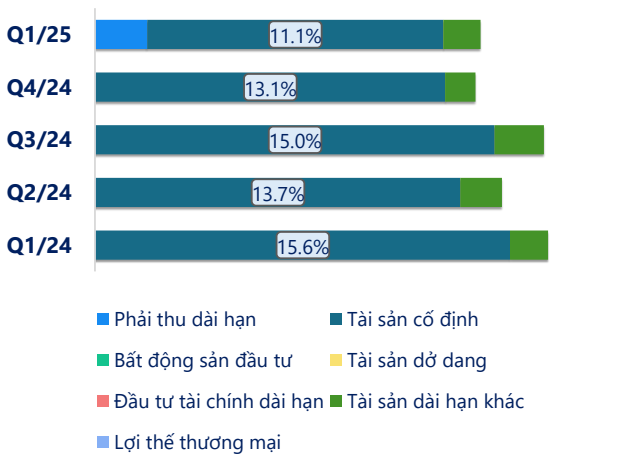
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



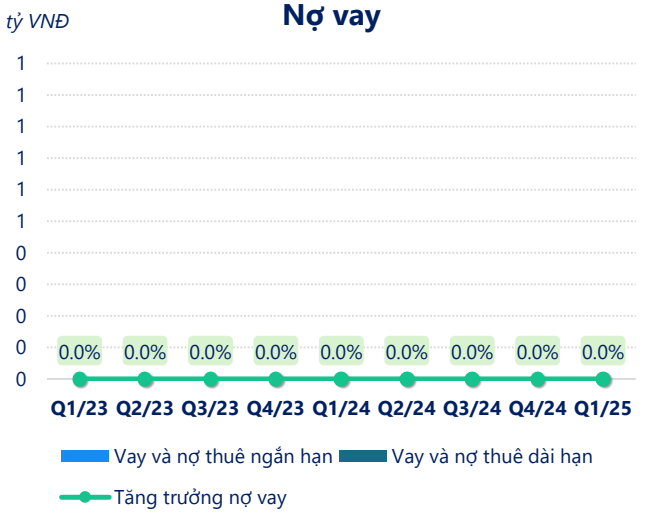
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



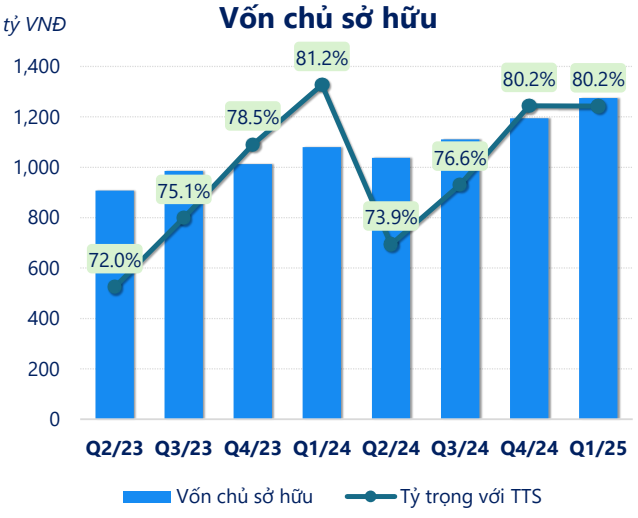
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



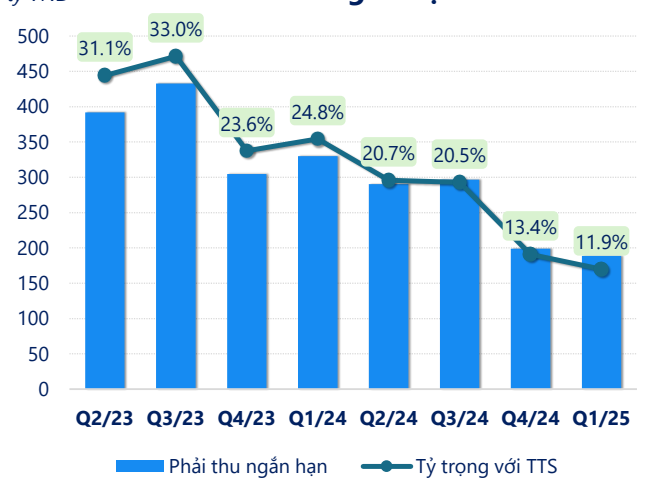
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



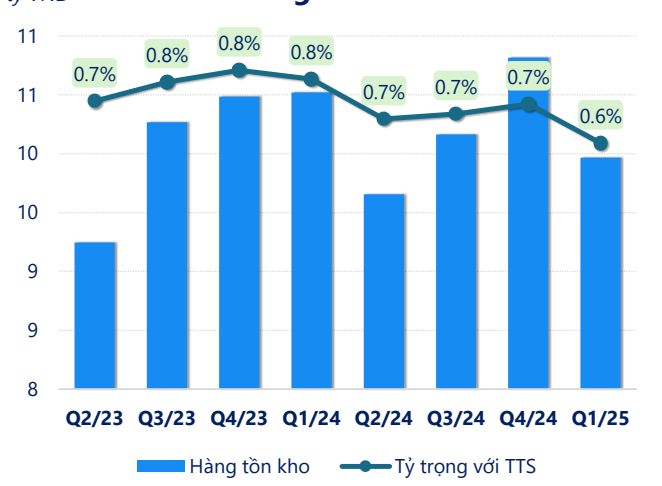
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



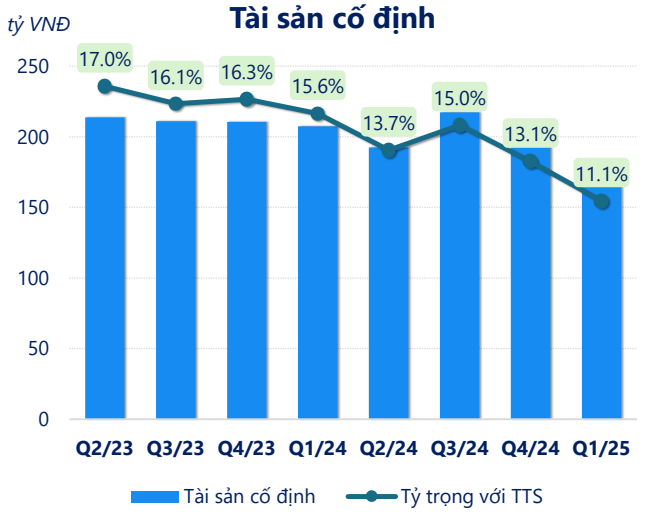
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



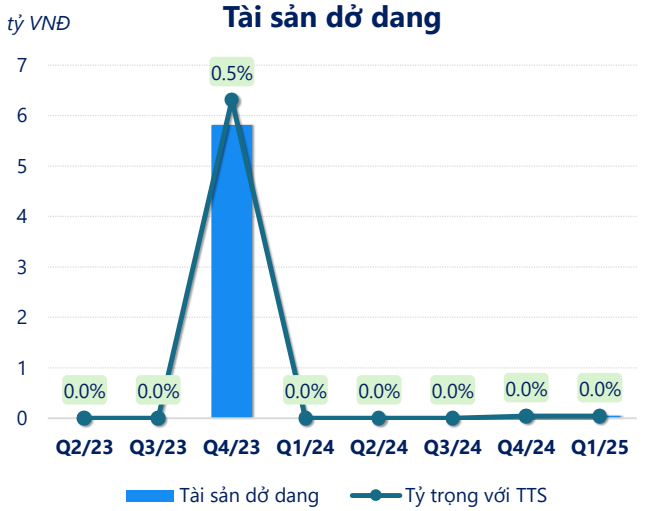
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



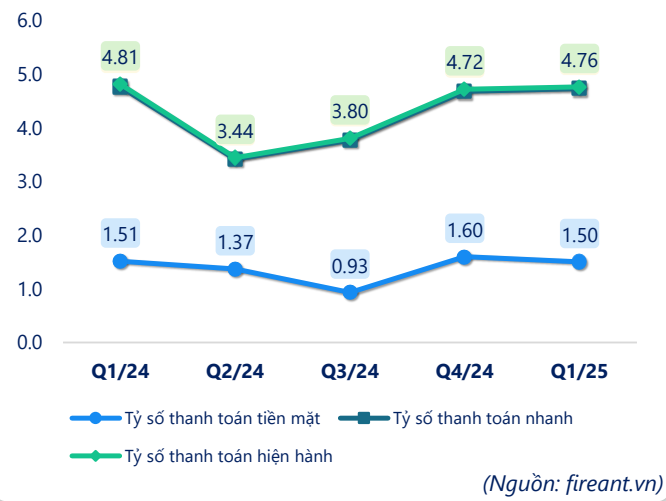
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



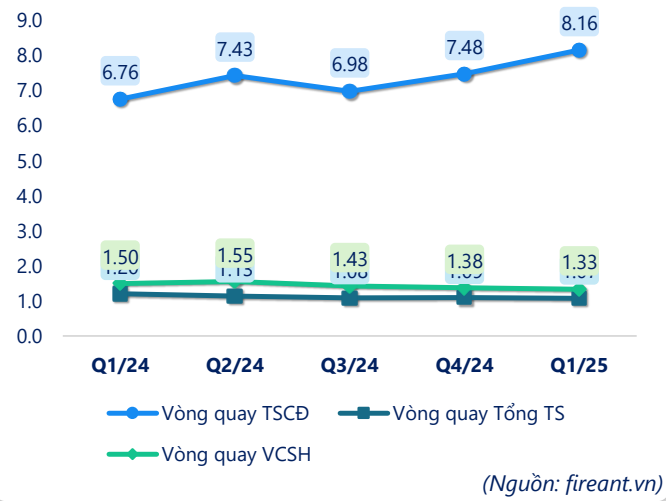
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Tổng tài sản	**1,330**	**1,403**	**1,448**	**1,489**	**1,589**
Tài sản ngắn hạn	**1,104**	**1,188**	**1,204**	**1,276**	**1,359**
Tiền và tương đương tiền	347	472	295	432	428
Đầu tư tài chính ngắn hạn	412	412	597	627	727
Phải thu ngắn hạn	330	290	297	199	189
Hàng tồn kho	10.5	9.66	10.2	10.8	9.97
Tài sản ngắn hạn khác	4.72	4.25	5.05	6.67	4.71
Tài sản dài hạn	**227**	**215**	**244**	**213**	**231**
Phải thu dài hạn	0.36	0.37	0.37	0.37	31.3
Tài sản cố định	207	192	217	196	177
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0	0	0.05	0.05
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	19.0	22.0	26.9	17.0	22.3
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**251**	**366**	**338**	**295**	**315**
Nợ ngắn hạn	**229**	**345**	**316**	**270**	**285**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải trả người bán ngắn hạn	29.8	31.0	38.2	41.4	29.4
Nợ dài hạn	21.2	20.7	21.8	24.2	29.5
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0	0
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,080**	**1,037**	**1,110**	**1,195**	**1,275**
Vốn chủ sở hữu	**1,080**	**1,037**	**1,110**	**1,195**	**1,275**
Vốn điều lệ	336	336	342	336	336
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)